

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/HS-ST
Ngày 27-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàn Đại

Ông Lê Bình Quyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện

H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hữu Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 57/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2023 đối với các bị cáo:

Phạm Minh Ph, sinh ngày 17/8/1974 tại xã Ng, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn 2, xã Ng, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn D (đã chết) và bà Lê Thị H, sinh năm 1942; bị cáo có vợ là Đỗ Thị L (đã ly hôn), có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/02/2023 đến ngày 15/02/2023 chuyển tạm giam đến nay tại nhà tạm giữ Công an huyện Nga Sơn. Có mặt.

Lê Ngọc Đ, sinh ngày 15/8/1981 tại xã Ng, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn 1, xã Ng, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ngọc Th, sinh năm 1933 và bà Nguyễn Thị Ch (đã chết); bị cáo có vợ là Ngân Thị Th, sinh năm 1982, có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/02/2023 đến ngày 15/02/2023 chuyển tạm giam đến nay tại nhà tạm giữ Công

an huyện Nga Sơn. Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Ngân Thị Th, sinh năm 1982. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 1, xã Ng, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào 11 giờ 03 phút ngày 09/02/2023, Phạm Minh Ph dùng điện thoại NOKIA 105 màu xanh lắp sim số 0975.842.678 gọi điện đến điện thoại nhân MOBELL của Lê Ngọc Đ có số 0978.605.209 để rủ Đ góp tiền ra huyện Hà Trung mua ma túy về sử dụng, Đ đồng ý. Đ điều khiển ô tô hiệu VIOS biển số 30E-728.63 đem theo 01 thùng bia của gia đình đến đón Ph đi mua ma túy. Ph cũng mang thùng bia của gia đình với mục đích bán lấy tiền mua ma túy. Trên đường đi cả 02 đến quán tạp hóa của bà Trương Thị Lý, sinh năm 1962 ở xã Hoàng Đông, huyện H, tỉnh Thanh Hóa bán 02 thùng bia cho bà Lý được 400.000 đồng, Ph góp thêm 100.000 đồng để mua ma túy. Trên đường đi Phạm Minh Ph dùng chiếc điện thoại NOKIA 105 màu xanh lắp sim số 0975.842.678 gọi điện đến số điện thoại 0965.301.977 của một người đàn ông không rõ tên tuổi địa chỉ để hỏi mua ma túy thì người này hẹn ra khu vực đê huyện Hà Trung để giao ma túy. Đ chờ Ph ra khu vực đã hẹn, Ph gọi cho người đàn ông trên thì người này bảo chờ. Khoảng 10 phút sau, có một người đàn ông ra vị trí dừng xe ô tô, Ph đưa 500.000 đồng thì người này đưa cho Ph 01 gói nilon bên trong chứa ma túy. Sau đó, Ph lấy ra một phần ma túy bỏ vào xi lanh của cả 02 mang theo và cả 02 sử dụng bằng hình thức tiêm trực tiếp vào cơ thể trên xe ô tô, phần còn lại mang về để sử dụng. Đến khoảng 12h45 cùng ngày khi cả 02 đi đến thôn 2, xã Ng, huyện H, Thanh Hóa thì bị Cơ quan CSĐT Công an huyện H phối hợp với Công an xã Ng bắt quả tang Phạm Minh Ph và Lê Ngọc Đ đang tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ trong túi quần bên trái của Ph 01 gói nilon màu đỏ (vỏ kẹo) Dynamite bên trong là các cục bột màu trắng nghi là ma túy; thu giữ 01 chiếc điện thoại NOKIA 105 màu xanh lắp sim số 0975.842.678 của Phạm Minh Ph; 01 điện thoại nhân hiệu MOBELL lắp sim số 0978.605.209 của Lê Ngọc Đ và 01 xe ô tô nhãn hiệu VIOS màu đen, BKS: 30E-728.63.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của bị cáo Phạm Minh Ph và Lê Ngọc Đ: không phát hiện, thu giữ gì thêm.

Tại Kết luận giám định số 709/KL-KTHS ngày 14/02/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Cục bột màu trắng của phong bì niêm phong

gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,167 g loại Heroine.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Minh Ph và Lê Ngọc Đ khai nhận toàn bộ hành vi đúng như nêu trên.

Bản cáo trạng số 57/CTr-VKSHH ngày 11/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố các bị cáo Phạm Minh Ph và Lê Ngọc Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Phạm Minh Ph và Lê Ngọc Đ.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Minh Ph từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 09/02/2023.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Ngọc Đ từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 09/02/2023.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo thuộc đối tượng nghiện ma túy, không có công việc nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 màu xanh, kèm sim số 0975.842.678 của Phạm Minh Ph và điện thoại MOBELL, kèm sim số 0978.605.209 của Lê Ngọc Đ là Ph tiện phạm tội nên đề nghị tịch thu thanh lý sung quỹ nhà nước.

Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu VIOS màu đen, BKS 30E-728.63, quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là Ph tiện đi lại của các bị cáo, là xe của chị Ngân Thị Th nên đã trả lại cho chủ sở hữu.

Quá trình điều tra xác định được chủ sở hữu của số điện thoại mà Ph gọi để mua ma túy là số 0965.301.977 là của anh Nguyễn Lê D, sinh năm 1998 ở thôn B, xã Y, huyện Tr, Thanh Hóa nhưng qua xác minh anh D không có mặt tại địa Ph, mặt khác các bị cáo khai nhận khi người đàn ông bán ma túy thì đầu đội mũ, mặt đeo khẩu trang. Do đó không xác định được người đàn ông bán ma túy cho bị cáo Ph.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH, đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo Phạm Minh Ph và Lê Ngọc Đ đều trình bày: Do nghiện ngập nên bị cáo phạm tội, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở khẳng định:

Do nghiện ma túy nên trưa ngày 09/02/2023, Phạm Minh Ph đã gọi điện rủ Lê Ngọc Đ cùng đi mua ma túy về sử dụng. Đ điều khiển xe ô tô BKS 30E-728.63 của chị Ngân Thị Th, chở theo 01 thùng bia của mình đến đón Ph cùng thùng bia của Ph, đem đi bán được 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng), Ph bỏ thêm 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) để đi mua ma túy về sử dụng. Đến khu vực đê huyện Hà Trung, Ph gọi điện hỏi mua ma túy và Ph trực tiếp cầm số tiền 500.000đ mua 01 gói ma túy của một người đàn ông không quen biết. Ph và Đ sử dụng một phần ma túy bằng hình thức tự tiêm trực tiếp vào cơ thể, số ma túy còn lại Ph cất giữ vào túi quần đem về để cả hai tiếp tục sử dụng. Đến 12 giờ 45' cùng ngày, khi cả hai về đến khu vực xã Ng, huyện H thì bị bắt quả tang, thu giữ trong túi quần bên trái của Ph 01 gói ma túy được giám định có khối lượng 0,167g loại Heroine. Vì vậy, đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Phạm Minh Ph và Lê Ngọc Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm của tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm, hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi: Hành vi của các bị cáo Phạm Minh Ph và Lê Ngọc Đ đã xâm phạm quy định của Nhà nước về chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy, xâm phạm đến trật tự trị an, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, dẫn đến ảnh hưởng sức khỏe của con người, cũng là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác. Do đó cần xử lý nghiêm trước pháp luật nhằm giáo dục bị cáo, giáo dục chung cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Lê Ngọc Đ có bố là ông Lê Ngọc Th được tặng Huân, Huy chương kháng chiến hạng nhất nên bị cáo Đ được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công vai trò, tuy nhiên cũng cần phân hóa vai trò để đưa ra mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo. Bị cáo Phạm Minh Ph là người gọi điện rủ bị cáo Đ phạm tội, trực tiếp liên lạc và mua ma túy nên giữ vai trò đầu vụ. Bị cáo Lê Ngọc Đ cùng tham gia mua ma túy để sử dụng, cùng góp tiền mua ma túy và sử dụng ma túy nên giữ vai trò thứ hai.

Trên cơ sở vị trí, vai trò, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhận thấy bị cáo Đ giữ vai trò thứ yếu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn bị cáo Ph nên cần phải xử phạt bị cáo Phạm Minh Ph mức bình phạt cao hơn bị cáo Lê Ngọc Đ, là mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo, giáo dục. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo thuộc đối tượng nghiện ma túy, không có công việc ổn định và tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng: Chất ma túy là vật cấm tự do lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định.

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu NOKIA 105 màu xanh, kèm sim số 0975.842.678 của Phạm Minh Ph và điện thoại MOBELL, kèm sim số 0978.605.209 của Lê Ngọc Đ là Ph tiện phạm tội nên tịch thu thanh lý sung quỹ nhà nước.

Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu VIOS màu đen, BKS 30E-728.63, quá trình điều

tra xác định chiếc xe trên là Ph tiện đi lại của các bị cáo, là xe của chị Ngân Thị Th nên đã trả lại cho chủ sở hữu. Vì vậy không xem xét.

Quá trình điều tra xác định được chủ sở hữu của số điện thoại mà Ph gọi để mua ma túy là số 0965.301.977 là của anh Nguyễn Lê D, sinh năm 1998 ở thôn B, xã Y, huyện Tr, Thanh Hóa nhưng qua xác minh anh D không có mặt tại địa Ph, mặt khác các bị cáo khai nhận khi người đàn ông bán ma túy thì đầu đội mũ, mặt đeo khẩu trang. Do đó không xác định được người đàn ông bán ma túy cho bị cáo Ph. Vì vậy không xem xét.

Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Minh Ph.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Ngọc Đ.

Tuyên bố bị cáo Phạm Minh Ph và bị cáo Lê Ngọc Đ phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Phạm Minh Ph 21 (hai mươi một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/02/2023.

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc Đ 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/02/2023.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định trong phong bì niêm phong của phòng KTHS Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành;

- Tịch thu thanh lý sung quỹ nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu NOKIA 105 màu xanh, kèm sim số 0975.842.678 của Phạm Minh Ph và điện thoại MOBELL, kèm sim số 0978.605.209 của Lê Ngọc Đ.

Toàn bộ số vật chứng trên đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo biên bản giao nhận vật chứng số 48/BBGN ngày 25/9/2023.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Phạm Minh Ph và Lê Ngọc Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND h.H;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS h.H;
- Công an h.H;
- Nhà tạm giữ CA huyện Nga Sơn;
- Các bị cáo;
- UBND xã Ng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Thu

Hoàng Ngọc Hải

Lê Thị Ngọc Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Thu

Đỗ Thị Vân

Lê Thị Ngọc Tú

